

Hồi ký “Rừng khộp mùa thay lá” của Nguyễn Vũ Điền dưới góc nhìn phân tâm học

Phạm Khánh Duy

Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

Email: duygiangviennguvan@gmail.com

Ngày nhận bài: 06/06/2021; Ngày duyệt đăng: 29/09/2021

Tóm tắt

Phê bình phân tâm học là một trong những hướng nghiên cứu nổi bật trên thế giới. Dưới góc nhìn phê bình phân tâm học, hồi ký “Rừng khộp mùa thay lá” đã thể hiện rất rõ những ám ảnh của Nguyễn Vũ Điền về chiến tranh, tính dục và tâm linh thông qua những hình thức nghệ thuật độc đáo. Nhà văn đã ghi lại sự khốc liệt của một thời đã qua, nói lên tâm tư tình cảm của riêng mình khi tham gia vào đội quân tình nguyện chiến đấu tại chiến trường K. Bằng phương pháp phân tích, so sánh, bài viết đã làm sáng tỏ những ám ảnh của Nguyễn Vũ Điền trong hồi ký “Rừng khộp mùa thay lá”. Nghiên cứu này phần nào giải mã được cái Tôi tác giả, khẳng định giá trị của hồi ký “Rừng khộp mùa thay lá” trong dòng văn học chống Pol Pot.

Từ khóa: ám ảnh chiến tranh, diệt chủng, Nguyễn Vũ Điền, người lính tình nguyện Việt Nam, phân tâm học.

Nguyen Vu Dien's memoirs *Rung khop mua thay la* from a psychoanalytic criticism point of view

Abstract

Psychoanalytic criticism is one of the most prominent research directions in the world. From the point of view of psychoanalytic criticism, the memoirs *Rung khop mua thay la* clearly show Nguyen Vu Dien's obsessions with war, sexuality and spirituality through unique art forms. The writer recorded the fierceness of a bygone era, expressing his own feelings when participating in the volunteer army fighting at the K battlefield. By the method of analysis and comparison, this article sheds light on Nguyen Vu Dien's obsessions in the memoirs *Rung khop mua thay la*. This study partly deciphers the author's ego, affirming the value of the memoirs *Rung khop mua thay la* in the anti-Pol Pot literature.

Keywords: genocide, haunting war, Nguyen Vu Dien, psychoanalysis, Vietnamese volunteer soldier.

Mở đầu

Sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975), khi dân tộc vẫn còn hân hoan trong niềm vui chiến thắng thì những người thanh niên trẻ tuổi lại đến với biên giới Tây

Nam tham gia chống Pol Pot xâm lược. Trong số đó có rất nhiều người lính tình nguyện lên đường sang đất nước Campuchia làm nhiệm vụ quốc tế cao cả bởi chế độ Khmer Đỏ (Khmer Rouge) do Pol

Pot lãnh đạo đang thực thi chính sách diệt chủng man rợ trên đất nước này. Đây là thời kỳ đau thương của dân tộc Campuchia và dân tộc Việt Nam mà văn học ở hai đất nước đóng vai trò là “thước đo của lịch sử” đã ghi lại một cách chân thật và xúc động nhất. Mặc dù, những tác phẩm viết về cuộc chiến đấu chống Pol Pot của người lính tình nguyện trên chiến trường Campuchia chưa nhiều, nhưng cũng xuất hiện những sáng tác có giá trị của Sương Nguyệt Minh, Phạm Sỹ Sáu, Huỳnh Kim, Nguyễn Thành Nhân, Nguyễn Vũ Điền, Trung Sỹ, ... Những “đứa con tinh thần” đó đã góp phần không nhỏ trong việc làm phong phú thêm dòng văn học chiến tranh biên giới Tây Nam và chiến đấu chống tàn quân Pol Pot trên đất bạn.

Nguyễn Vũ Điền sinh năm 1958, tại Hưng Yên, nguyên thiếu tá Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ông tốt nghiệp khoa Sư trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và tốt nghiệp trường Sỹ quan Tăng - thiết giáp (1983). Đặc biệt, Nguyễn Vũ Điền đã từng là người lính tình nguyện chiến đấu tại chiến trường Campuchia, là chiến sỹ Trung đội Thông tin d6, e174, f5, MT.479. Mặc dù văn chương không phải là sự lựa chọn ban đầu, tuy nhiên, đến năm 60 tuổi, thiếu tá Nguyễn Vũ Điền đã bắt tay viết hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* bằng những thôi thúc bên trong, những ám ảnh về cuộc chiến đấu ác liệt và tội ác diệt chủng của tàn quân Pol Pot trên đất nước Campuchia. Hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* ra đời tạo nên tiếng vang không nhỏ, trở thành một tác phẩm xuất sắc trong dòng văn học ít nhiều bị thờ ơ hoặc quên lãng.

Ngày nay, những lý thuyết phê bình văn học du nhập vào nước ta càng nhiều và được ứng dụng rộng rãi, có thể kể đến lý thuyết phê bình sinh thái, phê bình nữ quyền, phê bình diễn ngôn, phê bình hậu

thực dân, phê bình tân duy sử, ... trong đó có một lý thuyết cũng không kém phần hấp dẫn là phê bình phân tâm học. Nó hấp dẫn, thú vị và hữu ích bởi lẽ khám phá sự độc đáo của văn chương thực chất là luận giải những ám ảnh nghệ thuật trong tác phẩm. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* của Nguyễn Vũ Điền dưới góc nhìn phân tâm học, giải mã những ám ảnh cái Tôi tác giả. Đây là một hướng tiếp cận mới mẻ, khả thi, có thể đào sâu phần vô thức trong con người - chủ thể sáng tạo; đồng thời nhận ra tâm tư, tấm lòng của tác giả, giá trị to lớn của hồi ký.

1. Khái quát về phân tâm học và phê bình phân tâm học trong việc tiếp cận hồi ký

Psychoanalysis (phân tâm học) là một thuật ngữ do Sigmund Freud (1856 - 1939) đặt ra vào năm 1896. Phân tâm học là “*tập hợp những lý thuyết và phương pháp tâm lý học có mục đích tìm hiểu những mối quan hệ vô thức của con người qua tiến trình liên tưởng tự do để chữa trị một số rối loạn nhiều tâm (psychoneurotic disorders)*” (Vũ Thị Trang, 2020: 25). Ban đầu phân tâm học chính là một khoa chữa bệnh tâm thần cho con người, sau đó mở rộng ra thành học thuyết nghiên cứu các ngành khoa học xã hội, trong đó có văn chương. Ngoài Sigmund Freud - “*cha đẻ của phân tâm học*”, đại diện cho phân tâm học còn có Alfred Adler (1870 - 1937), Carl Jung (1875 - 1961), Jacques Lacan (1901 - 1981). Thế hệ sau vừa kế thừa những luận điểm mà Sigmund Freud đưa ra, vừa có thái độ ly khai, rẽ lối hoặc chống đối với Sigmund Freud, đưa phân tâm học đi quá xa với cội rễ của nó.

Phân tâm học đã được các nhà phê bình sử dụng như một hướng nghiên cứu, một cách tiếp cận đối với văn học, gọi tắt là phê

bình phân tâm học. “*Phê bình phân tâm học thực sự phủ rộng cả quá trình sáng tạo của tác giả (phê bình phân tâm học tiểu sử), sản phẩm sáng tạo (phê bình phân tâm học văn bản) và quá trình tiếp nhận sản phẩm sáng tạo (phê bình phân tâm học người đọc)*” (Vũ Thị Trang, 2020: 42). Ở nhận định trên, Vũ Thị Trang đã cụ thể hóa phân tâm học trong nghiên cứu văn chương, đồng thời chia ra ba khuynh hướng phê bình phân tâm học phổ biến mà đối tượng là tiểu sử, văn bản, người đọc. Lộc Phương Thủy lại dựa trên quan điểm của Laplanche và Pontalis trong quyển *Từ vụng Phê bình phân tâm học*, cho rằng: “*ta có thể làm rõ đặc tính của Phân tâm học bằng sự lý giải, nghĩa là sự phát hiện ra ý nghĩa tiềm ẩn của vật chất*”, “*sự lý giải phát giác ra các dạng thức của xung đột tự vệ, và cuối cùng, hướng tới ham muốn hiện diện ở mọi quá trình của vô thức*” (Lộc Phương Thủy, 2007: 553). Trong quan điểm này, điểm nhấn nằm ở “*quá trình vô thức*”. Theo Đỗ Lai Thúy, cái vô thức được hiểu là “*những yếu tố tâm lý tồn tại ở một thực thể cá nhân mà chính nó không hay biết*”, và cũng dựa trên lý thuyết của Freud để giải thích cội nguồn của những yếu tố tâm lý: “*những yếu tố này chỉ được tạo nên từ những xu hướng trẻ con, và do những xu hướng này không thể đi đôi với những nhận thức hữu thức của tâm thần nên bị dồn nén (ẩn ức)*” (Đỗ Lai Thúy, 2002: 108). Nghiên cứu văn chương từ lý thuyết phân tâm học, người nghiên cứu trở thành nhà thám tử thu thập các dấu hiệu quan trọng, lý giải những ẩn ức tâm lý ấu thời (còn gọi là phức cảm Oedipe), khám phá đời sống vô thức (đặc biệt là vô thức tập thể),...

Ở Việt Nam, hồi ký là một thể loại không mới, tuy nhiên, số lượng hồi ký trong văn học Việt Nam không phải quá nhiều như những thể loại khác. Về thể loại hồi ký,

Hà Minh Đức đã chia ra ba loại hồi ký, cụ thể như sau: “*Hồi ký của các nhà hoạt động chính trị kể lại đời hoạt động của mình, những hiện tượng xã hội và những sự kiện lịch sử, hồi ký của các tướng lĩnh về các trận đánh hay, hồi ký của các nhà văn, những người có mặt và tham gia nhiều hoạt động xã hội*” (Hà Minh Đức, 1997: 65). Tác phẩm *Rừng khộp mùa thay lá* của Nguyễn Vũ Điền thuộc loại hồi ký thứ nhất. Theo đó, Nhị Ca (1964: 55) cho rằng: “*Hồi ký cách mạng là một thể loại văn học bao hàm yếu tố tái hiện sự kiện lịch sử bằng hồi tưởng và yếu tố truyền cảm bằng hình tượng, có tính chất phản ánh được bản chất cuộc sống*”. Tính truyền cảm và tính hình tượng là những đặc trưng cơ bản của hồi ký. Người viết hồi ký luôn muốn kể lại câu chuyện cuộc đời một cách sống động, chân thật nhất, đó là cách mà người viết sống thật với cái Tôi của chính mình, muốn tự thú, sẻ chia hoặc trải nghiệm, thông qua đó nhìn nhận lại quá khứ. Việc tiếp cận hồi ký Việt Nam bằng lý thuyết phân tâm học đến nay vẫn chưa được chú trọng nhiều, nói đúng hơn là một “*mảnh đất trống*”. Không thể phủ nhận những dữ kiện mà người viết đưa ra trong hồi ký chính là “*chìa khóa vàng*” để phân tâm học dần dần khám phá một cách hiệu quả và tương đối chính xác. Thông qua đó, người nghiên cứu có thể hiểu sâu hơn về con người và thời đại mà tác giả đã sống.

2. Cái Tôi ám ảnh, những đường nét tâm lý

2.1. Những ám ảnh về chiến tranh

Khác với những thể loại văn học như truyện ngắn, tiểu thuyết, ... hồi ký đã tạo điều kiện cho người viết giải bày sự thật bởi lẽ nhu cầu được tự do chia sẻ, bày tỏ, tự thú những sự thật của bản thân trong quá khứ chính là nhu cầu cần thiết của mỗi người. Vũ Thị Trang khẳng định: “*Qua trang giấy,*

họ có cảm giác được tự do giải bày điều mà họ không dễ dàng chia sẻ với người xung quanh, nhất là những người có câu chuyện riêng tư hoặc trải qua những giai đoạn đặc biệt trong lịch sử. Từ đó, họ có cảm giác được sống thật với cái Tôi bản thể của chính mình - không giấu giếm, không che đậy. Đó cũng là cách họ tự thoát ra khỏi “vực sâu tâm lý”, chữa vết thương trong lòng mình để tái tạo một năng lượng sống mới” (Vũ Thị Trang, 2020: 208). Những câu chuyện trong quá khứ khi bị dồn nén sẽ khiến con người rơi vào tình trạng ám ảnh triền miên, tâm lý không được thoải mái, bao giờ con người cũng thấy mình mất tự do, ngột ngạt trong cái “hố sâu” vô hình.

Phân tâm học soi sáng phần vô thức của cái Tôi tác giả trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá*. Cái Tôi Nguyễn Vũ Điền tái hiện lại những ký ức đau thương về cuộc sống và cuộc chiến đấu gian khổ, nguy hiểm ở chiến trường Campuchia khi tác giả đứng trong hàng ngũ của quân tình nguyện Việt Nam hoạt động trên đất K đánh Pol Pot. Thông thường, nỗi đau của chiến tranh ít khi được các tác giả khơi dậy, thế nhưng Nguyễn Vũ Điền đã ghi lại sự thật bi thảm của cuộc chiến đấu chống Pol Pot trên đất bạn một cách chân thật với thái độ tôn trọng lịch sử của cựu chiến binh trong thời điểm tác giả đã 60 tuổi và cuộc chiến cũng đã nguội lạnh từ lâu. Sự thôi thúc được trở về với con người cá nhân xuất hiện trong Nguyễn Vũ Điền, khiến tác giả không ngần ngại kể ra những câu chuyện riêng tư, những sự thật thương đau, thậm chí vô cùng ám ảnh. Trong hành trình tìm về với bản thân trong cuộc chiến đấu chống Pol Pot, Nguyễn Vũ Điền đã ghi lại nỗi vất vả mà tác giả cùng đồng đội phải chịu đựng. Tác giả hé lộ những bữa ăn thiếu thốn, tồi tàn của những người lính tình nguyện bằng giọng văn đầy

ám ảnh: “Mỗi lần có lệnh dừng lại ăn cơm, ai cũng như ai, lôi bịch cơm sấy đã trương phềnh bởi thứ nước mức vội ven đường đổ vào trước đó, vạch ngược túi, cho vào chút bột canh rồi dùng thìa xúc. Thứ cơm này thật tệ, giống như cơm nguội được thả vào chậu nước gạo nên khó ăn lắm, miệng cứ bã ra mà vẫn phải cố nhá” [1]. Nguyễn Vũ Điền đã thể hiện một cái Tôi vừa cứng cỏi chịu đựng, vừa đa cảm, không nguôi nhớ về những bữa ăn thân mật ấm cúng và đầy đủ ở quê nhà. Những sắc thái hòa lẫn trong tâm hồn người lính được ánh lên từ đây.

Nhưng bữa ăn người lính không phải là điều làm nên nỗi ám ảnh sâu đậm trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá*. Chính sự hy sinh của đồng đội - những người lính tình nguyện Việt Nam trên chiến trường K và cái chết của đồng bào Campuchia yêu nước dưới tay Pol Pot mới là điều đáng nói. Nguyễn Vũ Điền không né tránh hiện thực tang thương đó mà phản ánh rất chân thật. Sự hy sinh của người lính tình nguyện vừa được tác giả tái hiện khái quát: “mùi xác chết khăm khăm xộc thẳng vào mũi, đám ruồi bay theo rào rào” [2]; vừa được tái hiện cụ thể ở từng khuôn mặt, từng thân phận xót xa: “một chiến sỹ khẩu đội cối 60 bị thương do một viên đạn bắn trúng má, viên đạn bay ngang làm vỡ xương hàm người lính, máu ở miệng anh trào ra ướt đầm cổ và ngực áo” [3]. Và, dù là cái nhìn bao quát hay là cái nhìn cận cảnh thì sự hy sinh của người lính tình nguyện cũng gợi nên cảm giác xót xa cho tác giả (qua cách dùng từ, giọng điệu) và người đọc. Văn học thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ hạn chế nói đến sự hy sinh của đồng đội và hiện thực khốc liệt của chiến tranh. Tuy nhiên, trong dòng văn học chiến tranh biên giới Tây Nam và chống Pol Pot trên đất nước Campuchia, người cầm bút thẳng thắn

khơi nhắc nỗi đau và sự hy sinh để thể hệ sau hình dung được những gì mà người lính tình nguyện đã trải qua.

Cũng như những tiêu thuyết *Miền hoang* (Sương Nguyệt Minh), *Mùa xa nhà* (Nguyễn Thành Nhân), hồi ký *Mùa chinh chiến ấy* (Đoàn Tuấn), ... hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* của Nguyễn Vũ Điền ghi lại cái chết thương tâm của hàng triệu người dân Khmer dưới tay Pol Pot. Những phản ánh, ghi chép này thể hiện tấm lòng nhân hậu và sự đồng cảm của người Việt Nam dành cho người dân nước bạn Campuchia, khẳng định tình hữu nghị sâu sắc giữa hai dân tộc. Ở *Rừng khộp mùa thay lá*, cái Tôi Nguyễn Vũ Điền đã dành nhiều dòng hồi ức để kể lại nỗi đau của đồng bào Khmer. Nỗi đau được khắc họa trên nhiều dạng thức, từ những người còn sống “*đang chết đói, chết khát, lê lét dọc các con đường trên khắp đất nước*” [4] đến những người bị sát hại thảm khốc rồi chôn xuống cái hố tập thể, thân thể người dân Khmer lương thiện bị phân hủy chỉ còn lại “*mớ tóc đàn bà quấn quanh những chiếc đầu lâu trắng ớn lênh bênh trong nước*”, “*mấy chiếc sọ với những hốc mắt đen ngòm, hàm răng trắng ớn nhe ra ngay cạnh những ống xương chân xương tay trôi lên dập dềnh*” [5]. Những hình ảnh đó thật sự ám ảnh trong tâm trí Nguyễn Vũ Điền - người trực tiếp chứng kiến xác người phân hủy dưới hố chôn tập thể. Tác giả đã ghi lại bằng giọng điệu vô cùng căm phẫn, cựu chiến binh đã “*thật sự cảm nhận tội ác mà bọn diệt chủng Pol Pot - Ieng Sary gây ra với dân tộc Campuchia những năm đó thật là khủng khiếp và vô cùng man rợ*” [6]. Rõ ràng, viết hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* là dịp để Nguyễn Vũ Điền nhìn lại một thời đã qua, đối diện với những ám ảnh từ chiến trường K máu lửa và bày tỏ cảm xúc khi phơi bày thực tại đen tối của một thời đã

qua. Những điều này, trong cuộc hội thoại thông thường ngoài xã hội có lẽ Nguyễn Vũ Điền sẽ không đáp ứng được một cách trọn vẹn, đầy cảm xúc như trên trang viết.

Vũ Thị Trang cho rằng: “*Ám ảnh tự do không chỉ thể hiện ở cảm giác được “tự do biện giải cho chính mình” của tác giả/ nhân vật, mà còn là cảm giác được vượt qua giới hạn của bản thân trên hành trình đi tìm ý nghĩa của cuộc sống*” (Vũ Thị Trang, 2020: 220). Trước khi viết hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá*, Nguyễn Vũ Điền chưa trình làng bất kỳ tác phẩm văn học nào. Mãi đến khi *Rừng khộp mùa thay lá* ra đời thì hành trình chạm ngõ văn chương của Nguyễn Vũ Điền mới được đánh dấu. Tuy là tác phẩm đầu tay ở tuổi 60 của cựu chiến binh, song hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* đã tạo dựng được một không gian tự nhiên, hoang dã và đậm màu sắc của chiến trường K những ngày khói lửa. Đồng thời, hồi ký này cũng cho thấy sự trầm trở, suy tư của Nguyễn Vũ Điền, quá trình đào sâu vào những sự thật nếu cựu chiến binh Nguyễn Vũ Điền và những tác giả khác không nói thì có lẽ chỉ tồn tại trên những trang sử ít nhiều cứng nhắc, khô khan, bị lơ đi giữa đời sống thường nhật. Nỗi đau xót và sự ám ảnh về chiến tranh của tác giả không chỉ có trong thời chiến tranh chống Pol Pot mà còn âm ỉ trong con người tác giả khi đất nước đã thanh bình. Như đã nói, chia sẻ, phơi bày sự thật chính là cách tốt nhất để Nguyễn Vũ Điền đối diện với ám ảnh chiến chinh và làm vơi đi những thương tổn, đau đớn trong tâm hồn mình.

Ở một góc độ nào đó, có thể thấy cái Tôi của Nguyễn Vũ Điền có nhu cầu giải bày, chia sẻ những sự thật mà tác giả đã quan sát, chứng kiến, thậm chí là trải qua khi đứng trong hàng ngũ của lính tình nguyện Việt Nam chiến đấu tại Campuchia

từ năm 1978 đến năm 1980. Cái Tôi trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* không có thái độ né tránh, tô hồng hay bôi đen sự thật lịch sử mà nhìn rất thẳng thắn, tái hiện chân thật và xúc động. Điều này phù hợp với đặc trưng của hồi ký mà đôi khi những thể loại khác khó có thể đảm bảo được.

2.2. Những ám ảnh về tính dục

Tính dục vốn là một trong những chủ đề nhạy cảm được đề cập trong văn học Việt Nam hiện đại. Theo Vũ Thị Trang “*vấn đề tính dục trong tự truyện còn thể hiện cái Tôi cá nhân tự do trong tình yêu, tình dục, trong việc lựa chọn cách sống, thậm chí là ngay cả việc lựa chọn giới tính cho mình*” (Vũ Thị Trang, 2020: 241). Khi khai thác vấn đề này, các tác giả không xem tính dục như một nhu cầu bản năng con người mà nhìn nó dưới góc nhìn mang tính nhân văn. Đồng thời, cách thể hiện vấn đề tính dục của các tác giả cũng mang tính nghệ thuật cao.

Trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá*, tính dục được đề cập như một ám ảnh theo cách gọi của Freud. Vấn đề tính dục trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* của Nguyễn Vũ Điền không tương đồng với ám ảnh tính dục trong tiểu thuyết *Miền hoang* của Sương Nguyệt Minh dù cả hai đều nằm trong dòng văn học chống Pol Pot trên đất Campuchia. Làm nên sự khác biệt to lớn đó là do thể loại quy định. Trong tiểu thuyết, tác giả không ngại ngần thể hiện yếu tố tính dục ở các nhân vật ít nhiều đã được hư cấu; còn trong hồi ký, vì mang tính chân xác nên có thể đồng nhất vấn đề tính dục, cảm giác tính dục của nhân vật “tôi” trong tác phẩm với người viết. Tính dục trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* không còn là một diễn ngôn tính dục, “*diễn ngôn khẳng định*” (cách nói của Vũ Thị Trang) nữa mà là những ám ảnh sâu đậm, khao khát mãnh liệt trong tâm trí của người cầm bút.

Lộc Phương Thủy cho rằng: “*Freud đề ra lý thuyết động về vô thức, theo ông, giấc mơ là “thỏa mãn tâm lý của một ham muốn bị ức chế”. Nhưng đó là “sự thỏa mãn nguy trang”, bởi ham muốn vô thức khi tìm cách thỏa mãn luôn vẫn phải sự kiểm duyệt của ý thức, và đôi khi của cả tiền ý thức*” (Lộc Phương Thủy, 2007: 553). Khi ham muốn dâng lên tới độ sẽ dẫn đến xung đột tâm lý, nghĩa là sự xung đột giữa cái ham muốn và những thiết chế xã hội (sự cấm đoán), từ đó nó tạo thành những ẩn ức và khao khát mà con người có nhu cầu được giải tỏa. Ham muốn tình dục là ham muốn của vô thức chứ không phải của ý thức, song cái ham muốn vô thức ấy đã bị “khống chế” bởi ý thức. Lộc Phương Thủy cũng cụ thể hóa quá trình tâm lý, xung đột tâm lý bằng cách dựa theo quan điểm của Freud, cho rằng: “*các quá trình và các xung đột ấy được thể hiện đồng thời trong tác phẩm dưới nhiều hình thức tâm lý khác nhau: giấc mơ, nói nhịu, hành động hụt, triệu chứng, sáng tạo nghệ thuật..., ngay cả khi các hình thức này hoàn toàn không giống nhau*” (Lộc Phương Thủy, 2007: 553). Đi sâu vào hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá*, có thể dễ dàng nhận ra những hình thức tâm lý ấy. Cái Tôi của tác giả có nhu cầu bộc lộ những ẩn ức, dồn nén vô thức ấy dưới dạng những sự kiện, hình ảnh mà trong đời thoại thông thường có lẽ đây là một vấn đề nhạy cảm, khó nói.

Nguyễn Vũ Điền đã đề cập đến “*bản năng giống đực*” ở những người lính tính nguyện. Trong hồi ức của nhà văn là hình ảnh những cô gái Khmer phô diễn sắc vóc trước mặt đồng đội: “*họ chẳng ngại ngần sang số, tháo cạp chiếc váy đang mặc ra, để hở cả một khoảng bụng chĩa ra trước mặt những thằng lính Việt*”, “*những cái nhìn lộ vẻ thèm khát đến cháy lòng*” [7]. Hình ảnh đó tác động đến “*bản năng giống đực*” của

người lính. Nguyễn Vũ Điền “tự thú”: *“Với lính, khi đó toàn là những chàng trai đang tuổi 18-20, bản năng giống đực rất mãnh liệt. Nhìn họ làm thế, mặc dù biết đấy, hiểu ý họ đấy, cũng chẳng thằng nào dám sờ mui gì, đành nuốt cơn thèm vào trong, bởi trong kỷ luật chiến trường hết sức nghiêm khắc”* [8]. Những chàng trai trẻ mang trong mình khao khát được giải tỏa bản năng giống đực bởi hầu hết họ là những người lính trẻ, chưa trải đời, tò mò và mong muốn khám phá cơ thể người khác giới. Tuy nhiên, *“kỷ luật chiến trường”* đã giúp các chàng trai kìm nén bản năng đàn ông, kìm nén nhu cầu sinh lý của người lính. Những tò mò, khát khao giải tỏa ấy dần dần hình thành nên ẩn ức tính dục, ám ảnh tính dục trong người lính tình nguyện.

Ở một trang văn khác, Nguyễn Vũ Điền lại kể về sự xuất hiện của những người phụ nữ Việt Nam trên đất Campuchia trong trang phục của người Sài thành yêu kiều diễm lệ. Tác giả đã lựa chọn những mỹ từ để miêu tả sắc vóc của những cô gái này trong không khí ngột ngạt của chiến trường K: *“những chiếc áo bà ba Nam bộ xẻ nách thật cao để lộ ra một khoảng da nõn nà bên sườn, những gương mặt xinh như những nàng tiên giáng thế và mùi nước hoa phảng phất”* [9]. Hình ảnh gây ấn tượng sâu đậm nhất trong lòng người lính tình nguyện chính là *“cái tam giác bên nách của chiếc áo xẻ tà và khoảng thịt nõn nà bên sườn cô gái”* [10]. Cảm xúc của người lính Việt trước hình ảnh đó là sự thèm khát, bộc lộ rõ những ham muốn cá nhân. Nguyễn Vũ Điền không ngại khi diễn tả cảm xúc của chính mình và của đồng đội trong khoảnh khắc đó: *“hai thằng lính trận không thể cưỡng được sự thèm muốn, sự thèm muốn trình nguyên của những thằng trai to”* [11], *“tiếng nuốt nước bọt ừng ực”* [12]. Có cảm

xúc như thế cũng dễ hiểu bởi những chàng trai là lính tình nguyện chiến đấu tại K còn quá trẻ trung, họ *“chưa biết đến mùi vị đàn bà, chưa từng là đàn ông một lần trong đời”* [13] đặc biệt là những ẩn ức tính dục dồn nén thúc đẩy thành khát khao được giải tỏa, được thỏa mãn xác thân. Cảm xúc này không phải là tiêu cực, ngược lại nó cho thấy sự đa cảm, đa tình của những chàng trai vốn xuất thân từ mảnh đất Hà Nội phồn hoa, là biểu hiện của cái Tôi cá nhân muốn được cháy hết mình trong tình yêu và tình dục.

Chiến sỹ tình nguyện có người đã lập gia đình, có người còn độc thân, bởi thế nên cái Tôi người lính còn mang khát khao được trải nghiệm xác thịt. Khi nghe anh Mộc (Ngô Doãn Mộc) chia sẻ những kinh nghiệm xác thịt giữa nam và nữ, những người lính tình nguyện trẻ tuổi cảm thấy rạo rực. Ở độ tuổi trai tráng yếu tố bản năng tính dục của con người rất mạnh. Sự đối lập trong quan niệm phồn thực của anh Mộc và những người lính trẻ cũng là điều đáng nói. Trong khi anh Mộc cho rằng: *“ngủ với gái mệt lắm, mệt như đào hầm chót ấy chứ không phải đùa đâu mà ham hố”*; thì những người lính tình nguyện lại *“tò mò”, “mấy chàng lính chưa vợ cười ngả nghiêng vì câu chữ quá tục, quá đời của Mộc”* [14]. Đó là thái độ chính đáng của những người chưa từng có trải nghiệm, khao khát được trải nghiệm thực tế vấn đề tình dục. Hơn hết, đời sống quân ngũ chẳng những thiếu thốn về vật chất mà còn thiếu thốn về tinh thần, những ham muốn cá nhân bị dồn nén nên trạng thái của những người lính tình nguyện (trong đó có tác giả) cũng là điều dễ hiểu. Rõ ràng, Nguyễn Vũ Điền đã không phớt lờ những vấn đề tế nhị mà trong cuộc sống đời thường con người có tâm lý giấu giếm, che giấu. Điều này không đồng nghĩa với việc tác giả “cời áo cho người xem lưng” mà

càng thành công hơn trong việc xây dựng vẻ đẹp tâm hồn của người lính tình nguyện.

Ấm ảnh tính dục là một trong những đặc trưng của cái Tôi bản thể trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* của Nguyễn Vũ Điền. Chính nhờ ấm ảnh tính dục này mà người đọc càng hiểu sâu hơn tâm tư, những góc khuất trong sâu thẳm tâm hồn của người lính tình nguyện. Thông qua đó, người đọc sẽ có thái độ cảm thông, trân trọng và yêu thương hơn hình ảnh con người trẻ tuổi một thời tự nguyện dấn thân vào chiến trường K máu lửa, vì nghĩa tình quốc tế mà sẵn sàng bảo vệ đồng bào Khmer yêu nước như bảo vệ đồng bào mình, có thể hy sinh thân mình vì nghĩa vụ cao cả. Khơi nhắc những ấm ảnh tính dục trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá*, Nguyễn Vũ Điền trực tiếp nói lên những khao khát, ẩn ức, ham muốn cá nhân trong sâu thẳm tâm hồn mình, từ đó mong muốn được sẻ chia, đồng cảm.

2.3. Những ấm ảnh tâm linh

Trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* của Nguyễn Vũ Điền còn có một dạng thức khác nữa của cái Tôi bản thể, đó là cái Tôi với những ấm ảnh tâm linh, cái Tôi tiềm thức. Không quá ngạc nhiên vì sao yếu tố tâm linh lại xuất hiện nhiều lần trong hồi ký này. Hầu như những tác phẩm trong dòng văn học chiến tranh biên giới Tây Nam và chiến đấu chống Pol Pot trên chiến trường K đều nặng nề yếu tố tâm linh. Các tác giả đã tái hiện quan điểm tâm linh, đời sống tâm linh của con người như một biểu hiện của văn hóa, tín ngưỡng. Từ tiểu thuyết *Miền hoang* của Sương Nguyệt Minh, *Mùa xa nhà* của Nguyễn Thành Nhân đến các hồi ký như *Chuyện lính Tây Nam* của Trung Sỹ, *Mùa chinh chiến ấy* và *Mùa linh cảm* của Đoàn Tuấn, *Rừng khộp mùa thay lá* của Nguyễn Vũ Điền đều chứa đựng văn hóa tâm linh sâu sắc. Đỗ Lai Thúy cho rằng:

“Con người là một thực thể đa chiều... Đó là bản chất sinh học, bản chất xã hội và bản chất tâm linh. Ba bản chất này tạo thành chiều sâu, chiều rộng và chiều cao của con người” (Đỗ Lai Thúy, 2002: 7). Trong lĩnh vực phân tâm học, bản chất tâm linh được Freud cụ thể hóa là cấm kỵ loạn luân, totem (vật tổ), linh vật; Jung cho rằng đó là tiềm thức, linh hồn, giấc mơ và một số biểu tượng văn hóa của từng quốc gia, dân tộc. Những yếu tố này ít nhiều xuất hiện thoáng trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* như một tín hiệu tâm linh trong vô thức của cựu chiến binh Nguyễn Vũ Điền.

Cũng như người Việt Nam, người Khmer có văn hóa tâm linh vô cùng phong phú. Đất nước Campuchia có tiền thân là nhà nước Chân Lạp, người Campuchia theo đạo Hindu và đạo Phật là chủ yếu (hai đạo nào du nhập từ Ấn Độ vào). Người Campuchia có văn hóa thờ vật linh, tôn sùng và truyền bá những huyền thoại xưa cổ, ... bởi thế, khi những người lính tình nguyện Việt Nam sang đất Campuchia chiến đấu thì bản sắc văn hóa tâm linh, tín ngưỡng của đất nước này cũng đã ngấm vào tâm hồn và máu thịt của những người lính Việt. Điều này cũng dễ hiểu bởi dân gian có câu “Nhập gia tùy tục”, yếu tố tâm linh của người Campuchia đã chi phối phần nào đời sống tinh thần của người lính tình nguyện Việt Nam. Cái Tôi tác giả trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* đã phản ánh phần nào đời sống tâm linh của mình và đồng đội, trong đó có những điều kiêng kỵ nhất định mà người lính nghĩ rằng nếu vi phạm sẽ bị trừng trị hoặc ít nhiều gặp phải tai ương. Theo quan điểm của nhân vật Tiến xòe “có rất nhiều thứ để kiêng cử, đó là: thịt vịt, rùa, cơm kê, vàng và... gái” [15]. Hồi ký cũng lần lượt giải thích vì sao lại có chuyện kiêng cử đó. Thứ nhất là kiêng kỵ vịt, người lính

cho rằng: “*ăn rồi tan tác*” [16]. Thứ hai là kiêng kỵ rửa, câu chuyện liên quan đến nhân vật Bùi Tiến (Trung đội trưởng Trinh sát) bước qua xác rửa sau đó bị thương. Thứ ba là kiêng kỵ cơm khê, người lính quan niệm: “*cơm sống thì ráng ăn chứ cơm khê thì kiêng tuyệt đối, đánh trận nào thua trận ấy, mà thua te tua*” [17]. Thứ tư là kiêng kỵ vàng, tác giả kể lại câu chuyện “*có thằng lấy được vàng, gói vào ba lô. Lúc đánh nhau, đạn Pốt bắn thùng ba lô, người chết rồi còn vàng thì rơi ra tung tóe*” [18]. Cuối cùng là kiêng kỵ gái, lý lẽ minh chứng liên quan đến nhân vật Thiện (đại đội 11) trong lần về thăm nhà đã nghe lời mẹ “*cố ở nhà thêm ít ngày để có cho bà một đứa cháu đích tôn rồi trở vào mặt trận*” [19], “*anh cũng cố nán lại ít ngày*”, “*khi đã chắc chắn là vợ có mang, anh từ biệt mẹ, từ biệt vợ khoác ba lô trở vào đơn vị*” [20] và rồi hy sinh trong trận đánh vào hồ Ampil. Cũng có thể đó là sự trùng hợp, nhưng khi sống trên đất Campuchia mà con người vẫn thường cho rằng là mảnh đất tâm linh thì những câu chuyện nhuộm màu hoang đường ấy lại tạo được lòng tin một cách tuyệt đối. Trước những kinh nghiệm kiêng cử của người lính tình nguyện trên chiến trường K, có hai phản ứng mà cái Tôi Nguyễn Vũ Điền cũng đã giải bày, bộc bạch: một là tin tưởng tuyệt đối, hai là phá vỡ. Cái Tôi tác giả cũng đã tự thú sự phá vỡ kinh nghiệm thần bí của mình và đồng đội trong việc ăn thịt vịt: “*Đói quá, thiếu thịt lâu ngày rồi, vả lại tết nhất đã được chén cái gì đâu, nên việc kiêng khem đành dẹp sang một bên*” [21]. Rõ ràng trong số những người lính tình nguyện, nhiều người xuất thân từ tầng lớp trí thức nên phần đông không mê tín cũng là một điều dễ hiểu.

Thế giới tâm linh còn xuất hiện trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* qua các biểu

tượng gắn liền với xứ sở Chùa Tháp. Mặc dù, các biểu tượng không xuất hiện nhiều tạo thành hệ thống như trong một số tác phẩm khác thuộc văn xuôi hư cấu lấy bối cảnh đất nước Campuchia (như tiểu thuyết *Miền hoang* của Sương Nguyệt Minh), song biểu tượng tâm linh trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* cũng mang những ý nghĩa nhất định, tác động đến tâm lý của tác giả. Trên hành trình vào Cao Melai (còn gọi là phnum Melai, phnum là núi trong tiếng Khmer), cách cửa khẩu Poipet về phía đông khoảng 10km có một địa danh mà người lính tình nguyện không thể nào quên được, đó là Ngã ba Con Voi (còn gọi là ngã ba Nimith). Dấu ấn sâu đậm nhất trong tác giả về địa danh này là “*bức tượng một chú voi lớn màu trắng, quay lưng về phía Cao Melai*” [22]. Trong tâm thức của người Campuchia con voi là một trong những loài vật thiêng, voi là biểu tượng cho sự thịnh vượng của đất nước. Trong đạo Hindu, hình tượng thần Ganesha có chiếc đầu là đầu của con voi. Vì thế, bức tượng con voi ở ngã ba Nimith thoát thai từ đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người Campuchia cũng là một điều dễ hiểu.

Đời sống tâm linh, tín ngưỡng tôn giáo có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với con người ở mỗi quốc gia, dân tộc. Du nhập từ Ấn Độ, Phật giáo trở thành một trong những tôn giáo phổ biến tại Campuchia. Hình ảnh người mẹ ân tình ở phum Slo Cram trong hồi ức của Nguyễn Vũ Điền có lòng tin tuyệt đối vào Phật giáo. Văn hóa tâm linh, tín ngưỡng tôn giáo chính là điểm tựa tinh thần của người mẹ này nói riêng, của người Campuchia nói chung. Sau một thời gian “người mẹ ân tình” cư mang tác giả, đến khi Nguyễn Vũ Điền được Trung đoàn cử đi học sỹ quan, người mẹ này đã làm nghi thức trang trọng để cầu mong cho tác giả -

người lính tình nguyện mà mẹ thương như con ruột - lên đường bình an: “*Bà làm Lễ Phật cầu mong cho tôi trở về may mắn. Bà làm một cái bàn thờ ở ngay cột cái giữa nhà, rồi lấy hoa dừa kết lại thành hình mái nhà, đặt lên bàn thờ hoa quả, bánh kẹo và một chậu nước trong, Trong chậu nước, bà đặt một ông Phật bằng đồng rất đẹp. Sau khi thắp hương, bà khấn vái, mong Đức Phật phù hộ độ trì cho tôi sức khỏe và những điều may mắn*” [23]. Nghi thức cúng Phật của người Campuchia được tác giả ghi lại bằng trí nhớ một cách chính xác, cụ thể và trang trọng. Qua đây có thể thấy được thế giới tâm linh có phần huyền bí nhưng cũng vô cùng đẹp đẽ của người Khmer trong những năm chiến chinh khói lửa, đồng thời nhận ra tấm lòng của người mẹ Khmer dành cho người lính Việt Nam.

3. Cái Tôi ám ảnh, những biểu hiện nghệ thuật

3.1. Không gian và thời gian

Trần Đình Sử cho rằng: “*Không gian nghệ thuật là hình thức tồn tại cùng thế giới nghệ thuật*” và “*không gian nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo của nghệ sỹ nhằm biểu hiện con người và thể hiện một quan điểm nhất định về cuộc sống*” (Trần Đình Sử, 2021: 84). Không gian nghệ thuật là hình thức tồn tại của hình tượng nghệ thuật. Đó là không gian tồn tại, sinh hoạt của nhân vật, là bối cảnh để nhân vật thể hiện tính cách, suy nghĩ, hành động, ... là khung nền của tác phẩm văn học. Bên cạnh đó, Trần Đình Sử cũng đưa ra khái niệm về thời gian nghệ thuật trong văn học. Đó là “*thời gian do nhà văn sáng tạo ra, vừa thể hiện trạng thái con người trong thời gian, sự cảm thụ thời gian, vừa mở ra lộ trình để người đọc đi vào thế giới tác phẩm*” (Trần Đình Sử, 2021: 86). Thời gian nghệ thuật có thể làm độc giả quên đi hiện thực, nhập làm một với thời

gian trong tác phẩm. Do được xây dựng bằng ngôn ngữ nghệ thuật nên thời gian trong tác phẩm dễ dàng biến đổi linh hoạt. Giữa không gian và thời gian có mối quan hệ chặt chẽ, chúng gắn bó và hòa trộn thành chỉnh thể tác phẩm.

Thông qua phương diện không gian và thời gian, Nguyễn Vũ Điền đã thể hiện những ám ảnh sâu đậm của mình về chiến tranh, về tính dục và về tâm linh. Nhà văn đã xây dựng nhiều không gian khác nhau trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá*, không gian đời thực góp phần tạo dựng không khí hiện thực cho tác phẩm, làm nền cho đối tượng phản ánh, từ đó giúp tác giả bộc lộ những cung bậc cảm xúc, suy nghĩ, tình cảm của riêng mình. Ở phương diện không gian đời thực, tiểu không gian bao trùm trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* của Nguyễn Vũ Điền chính là cánh rừng, đó cũng là chiến trường ác liệt. Bối cảnh chính của hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* là đất nước Campuchia, khi nạn diệt chủng xảy ra tại đất nước này, Quân đội của Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước Campuchia được sự hỗ trợ của Quân tình nguyện Việt Nam tấn công sào huyệt Khmer Đỏ. Trong *Rừng khộp mùa thay lá*, người lính tình nguyện phải chiến đấu trên chiến trường Campuchia, cụ thể là “rừng khộp” trong điều kiện hết sức gian khổ, nguy hiểm. Rừng khộp hiện lên trong hồi ký của Nguyễn Vũ Điền không lãng mạn và thi vị, ngược lại, nó được tác giả gọi tả với vẻ tiêu sơ, hoang vắng, khắc nghiệt: “*Những cây khộp đã trút hết lá xuống mặt đất, trên cây chỉ còn sót lại cành, cọng trơ trụi vươn lên trời như những cánh tay đang cầu cứu*” [24]. Nơi đó gắn liền với bước chân hành quân của người lính tình nguyện. Rừng khộp mùa hạn đã gây khó khăn cho người lính, là dấu ấn sâu đậm trọng tâm trí tác giả

để mỗi khi nhớ về rừng khộp là những ám ảnh về một thời chiến chinh gian khó, thiếu thốn và nguy hiểm lại hiện ra. Đặc biệt là ám ảnh về cái khát: “*con khát kéo đến mà trời thì cứ chang chang nắng*” [25], về những khó nhọc trên đường hành quân: “*ai cũng lấm lem tro bụi lấm lũi bước trong cái nóng kinh người*” [26]. Nguyễn Vũ Điền đã thú nhận rừng khộp mùa hạn đã ám ảnh trong tâm trí tác giả suốt quãng thời gian dài, cùng với không gian đó là biết bao gian khổ: “*Những hình ảnh ấy không hiểu sao cứ lưu mãi trong trí nhớ tôi, để đến lúc này sau gần 40 năm, khi tôi ngồi viết những dòng này, nó vẫn hiện lên rõ mồn một như mới xảy ra hôm qua trong tâm trí tôi*” [27]. Cũng trong không gian rừng khộp, cái chết thảm khốc của nhân dân Campuchia dưới tay Pol Pot cũng hiện ra qua hình ảnh những hố chôn tập thể “*hàng trăm người dân bị bọn đồ tể dạn thú mặt người sát hại rồi ném xuống*” [28]. Có thể nói đây chính là ám ảnh đau thương sâu đậm nhất trong tâm trí Nguyễn Vũ Điền, nó đẩy lên niềm day dứt, xót xa lẫn sự tự trách của tác giả: “*giả như chúng tôi đến sớm hơn thì có khi những người dân vô tội dưới lòng giếng này không phải chết thê thảm thế này*” [29]. Suy nghĩ đó xuất phát từ lòng nhân đạo và trách nhiệm của một người từng cầm súng chiến đấu trên đất Campuchia.

Bên cạnh không gian rừng khộp, không gian phum làng cũng là không gian nghệ thuật được Nguyễn Vũ Điền xây dựng trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá*. Phum làng trong tác phẩm này vừa xuất hiện với vẻ tiêu điều, hoang vắng, thiếu đi bóng dáng của sự sống để bộc lộ cái Tôi ám ảnh chiến tranh; vừa mang sinh khí, ấm áp và trở thành “không gian chứa” những nét đẹp văn hóa, phong tục, tín ngưỡng của người Khmer, qua đó bộc lộ cái Tôi ám ảnh tâm linh của

tác giả. Hình ảnh “*những ngôi nhà sàn xiêu vẹo trong các phum bỏ hoang, trống huơ trống hoác ven rừng*” [30] trở thành dấu hiệu của một đất nước bị tàn phá dưới bàn tay Khmer Đỏ. Dấu hiệu này đã gợi lại nỗi buồn và sự âu lo trong lòng người cựu chiến binh. Nhưng cũng có khi phum làng hiện lên ấm áp, đẹp đẽ và tràn đầy sức sống trong tâm trí của tác giả. Nơi đó có bóng dáng của những người Khmer hiền lành, nhân hậu như “người mẹ ân tình” đã chờ che, yêu thương, cu rơ mang những người lính tình nguyện trong suốt những năm tháng họ xa quê, chiến đấu trên đất nước Campuchia. Những nét đẹp trong phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo của xứ sở Chùa Tháp như lễ cầu Phật, thờ Phật, ... cũng được Nguyễn Vũ Điền khéo léo đặt trong không gian phum làng. Tất cả đã trở thành ký ức sâu đậm trong tâm trí tác giả, nói đúng hơn là sự ám ảnh.

Về phương diện thời gian, có thể nói, thời gian hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* thay đổi đột ngột, gấp gáp, đầy biến động, có thể có những liên hệ giữa quá khứ, hiện tại, tương lai. Thời gian có thể được Nguyễn Vũ Điền trần thuật cùng chiều với thời gian tự nhiên, nhưng cũng có thể đi ngược từ hiện tại trở về quá khứ bằng hồi tưởng. Các lớp thời gian có khi đan bện, xoắn xít với nhau. Cũng có lúc giữa quá khứ và hiện tại, tương lai có mối liên hệ thời gian, cùng đồng hiện trong một thời điểm. Hầu hết các sự kiện quan trọng trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* được Nguyễn Vũ Điền sắp xếp cùng chiều với thời gian tự nhiên, chẳng hạn mở đầu hồi ký là khoảnh khắc tác giả nghe tiếng gọi của non sông, lên đường nhập ngũ, sau đó là hành quân vào đất Campuchia, trở thành lính thông tin, chính thức là người lính tình nguyện ra hỗ trợ nước bạn tấn công vào sào huyệt Khmer Đỏ. Những ánh ảnh

(chiến tranh, tính dục, tâm linh) lần lượt hiện ra theo bước chân hành quân của người lính tình nguyện. Tất cả những ám ảnh đó là kết quả của quá trình trải nghiệm và quan sát của cựu chiến binh Nguyễn Vũ Điền. Mặt khác, một đôi chỗ, chiều thời gian trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* là chiều từ hiện tại hướng về quá khứ. Chiều thời gian này cũng góp phần thể hiện rõ nét cái Tôi ám ảnh của Nguyễn Vũ Điền. Một chi tiết quan trọng minh chứng cho thời gian hiện tại hướng về quá khứ là cảnh đón Tết ở Pailin của những người lính tình nguyện. Từ cái Tết hiện tại trong rừng khộp trên đất nước Campuchia, cái Tôi tác giả hướng về cái Tết quê nhà, hồi tưởng lại quá khứ vui vẻ và sum vầy bên gia đình, người thân trong khoảnh khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới. Khi hồi tưởng về quá khứ, tác giả đặt Tết hiện tại và Tết trong quá khứ ở thế đối sánh: Tết trong quá khứ, người lính tình nguyện “*đoàn tụ cùng gia đình, đang lo cho bữa cơm tất niên, đang cùng cha mẹ, anh chị em lo những công việc cuối cùng để đón giao thừa*”; còn Tết trong hiện tại (Tết ở Pailin), người lính “*hành quân trong cái nắng kinh người, trong cơn khát khủng khiếp ở xứ sở hoàn toàn xa lạ*” [31] buộc họ phải “*uống nước bùn - thử cả phê sữa đặc biệt của lính ở Pailin, hút thuốc rê, chúc mừng nhau*”. Sự thiếu thốn, gian khó của hiện tại đã trở thành nỗi ám ảnh của tác giả, gọi lên những cảm xúc chân thật và xúc động nhất của người lính: “*nỗi nhớ nhà, nhớ bố mẹ, nhớ Tết quê hương lại cồn lên trong tâm thức*” [32].

Không gian và thời gian nghệ thuật trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* đã thể hiện sự tinh tế, nhạy bén của người cựu chiến binh Nguyễn Vũ Điền. Chính không gian và thời gian góp phần to lớn trong việc phản ánh hiện thực cuộc chiến tranh và đời

sống riêng của người lính tình nguyện, qua đó hình thành nên giá trị của tác phẩm. Nó là khung nền để Nguyễn Vũ Điền bộc lộ những ám ảnh, thể hiện tư tưởng, tình cảm, những cung bậc cảm xúc và khắc đậm chủ đề của hồi ký.

3.2. Nhân vật

Hồi ký chiến tranh là những trang viết được tác giả ghi chép sau khi đã trải qua quá trình hoạt động cách mạng và đề cập đến vấn đề thuộc về tư duy lịch sử. Yếu tố nhân vật trong hồi ký thường mang tính đơn nhất, cụ thể. Tác giả không thể sáng tạo ra một nhân vật như văn xuôi hư cấu, cũng không thể tưởng tượng ra sự kiện lịch sử để nói lên câu chuyện của mình. Những yếu tố được đề cập trong hồi ký phải mang tính chân thật, chuẩn xác, ghi chép sống động hình ảnh những con người cụ thể. Như thế thì hồi ký chiến tranh mới tạo được niềm tin trong lòng người, cung cấp tư duy lịch sử mà không phải bằng những trang sử khô khan.

Yếu tố nhân vật trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* của Nguyễn Vũ Điền mang tính đơn nhất. Thông qua ghi chép của chủ thể trần thuật là cựu chiến binh Nguyễn Vũ Điền, những nhân vật khác cùng tham gia chiến đấu tại chiến trường Campuchia ác liệt lần lượt hiện ra. Nguyễn Vũ Điền không ghi rõ họ như những trang sử, tác giả gọi đồng đội của mình bằng những cái tên gần gũi, thân thương, cách gọi tên đậm chất lính. Nguyễn Vũ Điền có viết: “*chiến tranh như một cái lò nướng thịt, miếng này chín, bỏ ra lại có miếng mới được đưa vào, người này đi, lại có người khác được thay thế... Nói chẳng ngoa chút nào đâu*” [33]. Điều mà Nguyễn Vũ Điền muốn nói đến chính là sự hy sinh - nỗi đau không gì bù đắp được. Từ đây, có thể thấy việc tác giả tạo nên “chất lính” khi gọi tên từng gương mặt, từng dáng hình bằng những cái tên thân mật gần

liền với tính cách hoặc một dấu ấn sâu đậm về con người đó chỉ là một lý do. Hơn hết, những nhân vật được Nguyễn Vũ Điền nhắc đến trong hồi ký có người còn sống, có người đã hy sinh, có lẽ điều quan trọng nhất trong cách gọi tên đó là tôn trọng những người đã khuất.

Các nhân vật trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* liên quan mật thiết với những ám ảnh của cái Tôi tác giả. Ở nỗi ám ảnh về chiến tranh, Nguyễn Vũ Điền nhắc đến những nhân vật như Hải trong sự kiện huyết chiến tại phum Th'mo Cô, cái chết tức tưởi của Mộc (Ngô Doãn Mộc, Tiểu đội trưởng hỏa lực, phụ trách khẩu cối 60 ly của Đại đội 11, Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 174 những năm 1978-1979), cái chết xót xa của Thành (Trung đội trưởng Trung đội cối 82) trong trận mở màn. Hầu như những nhân vật được nhắc đến đều có tên, tuổi, quê quán, chức vụ trong quân ngũ. Ở nỗi ám ảnh về tính dục và tâm linh, tác giả không chú trọng quê quán, chức vụ của nhân vật, không cố gắng chứng minh tính xác thực của những nhân vật mà người kể chuyện nhắc đến. Trong dòng hồi tưởng của Nguyễn Vũ Điền, những cái tên của đồng đội mang tính bông đùa, trẻ trung và thân thương trong cuộc sống thường nhật như “Nam atiso” và câu chuyện về “*cái tam giác bên nách của chiếc áo xẻ tà và khoảng thịt nồn nà bên sườn cô gái*” [34], hay “Tiến xòe”, “Hải lé”, “Cương kều”, ... mỗi cái tên là một kỷ niệm, đó là những niềm vui nhỏ nhoi trong cuộc đời người lính. Những cái tên này cũng xuất hiện trong những ám ảnh tâm linh của cái Tôi Nguyễn Vũ Điền, đặc biệt là nhân vật “người mẹ ân tình” đọng mãi trong trái tim của tác giả. Tuy đó là người mẹ Campuchia có cái tên cụ thể (Mia Silon), nhưng tính cách và tấm lòng nhân hậu của người mẹ ấy gợi nhớ đến bao bà mẹ ân tình

khác ở đất nước Campuchia và Việt Nam. Họ sẵn sàng hy sinh mọi thứ vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc.

Nhắc đến yếu tố nhân vật trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* của Nguyễn Vũ Điền không thể không nhắc đến nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc. Nhà văn khắc họa tính cách, tâm hồn, phẩm chất của các nhân vật chủ yếu qua phương diện ngoại hình, hành động, cử chỉ và lời nói, yếu tố tâm lý nhân vật bị hạn chế. Chẳng hạn như nhân vật Sào, tác giả đã chú ý miêu tả tư thế của Sào trong lúc hy sinh: “*anh Sào ngửa người về phía sau và đổ xuống như một cây rừng bị đốn hạ*”, “*người anh mềm nhũn trong vòng tay đồng đội, đôi mắt nhắm nghiền, bình thản như đang ngủ*” [35]. Với đôi mắt và tư thế đó, tác giả cho rằng nhân vật Sào không hề nuối tiếc, sợ hãi, ngược lại Sào bình thản đón nhận cái chết như một kết quả tất yếu khi dấn thân vào chiến trường K khố lửa: “*có lẽ anh rất hài lòng khi hỏa điểm của địch đã bị tiêu diệt, anh ra đi khi chiến thắng đã rất gần*” [36]. Phẩm chất anh hùng của nhân vật Sào toát lên từ đây. Một nhân vật khác là “người mẹ ân tình” cũng hiện lên trang văn Nguyễn Vũ Điền thông qua ngoại hình chín chu: “*những đau thương, mất mát suốt cuộc đời vẫn không làm cho một bà mẹ 54 tuổi mất đi những nét đẹp vốn có của một người đàn bà quý phái chốn thị thành*”, cử chỉ ân cần: “*bà lấy dầu xoa, xoa vào lưng tôi*”, “*bà kéo tôi vào lòng, ôm lấy tôi mà cười sung sướng*”, lời nói mộc mạc nhưng chứa chan tình cảm: “*Diễn, Mẹ cho mày một miếng vải. Chọn đi, thích màu nào cũng được*”, “*con về mẹ buồn lắm, bởi không biết khi nào mẹ con mình mới gặp lại nhau*” [37]. Cái tình và nghĩa cử cao đẹp của người mẹ nghèo Campuchia được gọi lên từ đó. Ngoài ra, ở những nhân vật mang tên “Tiến xòe”, “Hải

lẻ”, “Nam atiso”, cái tên nhân vật cũng đã nói lên tính cách, đặc trưng ngoại hình, sở thích của những người lính trẻ này. Rõ ràng, dù viết hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* khi cuộc chiến đã lùi xa, nhưng những khuôn mặt, dáng hình, tính cách và hành động của đồng đội vẫn hiện rõ trong tâm trí của Nguyễn Vũ Điền.

3.3. Ngôn ngữ

Khi tiếp cận tác phẩm văn chương, người tiếp nhận thường có xu hướng ca ngợi những cảm nhận tinh tế, vốn hiểu biết sâu sắc và tình cảm nhân văn mà người nghệ sỹ gửi gắm. Tuy nhiên, cũng không thể không ngợi ca vẻ đẹp của hình tượng ngôn ngữ mà tác giả sử dụng sáng tạo trong tác phẩm văn học. Nhà nghiên cứu Lê Xuân Mậu cũng nhấn mạnh: “*Nhưng có lẽ trước khi nói đến và dạy người ta về vẻ đẹp văn chương thì cần phải nói đến, cần phải dạy người ta về vẻ đẹp ngôn ngữ. Cái vẻ đẹp ấy chưa phải là vẻ đẹp văn chương, vẫn đem lại cho ta một sự thỏa mãn có thể gọi là “thẩm mỹ”, một sự rung động đầy tính cảm thông giữa kẻ nói, người nghe với chính sự hấp dẫn của cái vỏ ngôn từ*” (Lê Xuân Mậu, 2016: 179). Nội dung tư tưởng được biểu đạt thông qua ngôn ngữ, ngôn ngữ phù hợp thì hiệu quả biểu đạt càng cao, tác phẩm vì thế mà đẹp hơn, hoàn hảo hơn và có sức sống lâu bền trong đời sống văn học.

Ngôn ngữ là phương tiện để Nguyễn Vũ Điền bộc lộ cái Tôi ám ảnh trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá*. Vì thể loại hồi ký ghi chép lại những gì chân thật, bình dị và gần gũi nhất nên ngôn ngữ mà Nguyễn Vũ Điền sử dụng cũng gần gũi, bình dị, mang hơi thở của đời sống, đặc biệt là khẩu ngữ. Đọc *Rừng khộp mùa thay lá*, người đọc khó tìm thấy những câu văn bóng bẩy, trau chuốt, được gọt giũa tỉ mỉ, ngược lại người đọc có cảm giác như tác giả đang thủ thỉ kể

lại những năm tháng chiến đấu gian khổ nhưng hào hùng, về đồng đội và về chính mình.

Có thể nhận ra hai lớp từ ngữ trong *Rừng khộp mùa thay lá*. Đây là quyển hồi ký chiến tranh, bởi thế, khi nhắc đến những vấn đề liên quan đến lịch sử đấu tranh của nhân dân Campuchia, lớp từ ngữ quân sự mà Nguyễn Vũ Điền sử dụng mang tính chuẩn xác, kèm theo đó những mốc thời gian xác định, chẳng hạn như: “*Sau khi Phnom Penh được giải phóng, phương án tác chiến của Quân khu có sự thay đổi. Ngay chiều ngày 07/01/1979, Sư đoàn nhận lệnh trở lại bờ đông sông Mekong, cùng với các sư đoàn của Quân đoàn 3 giải phóng Kampong Cham*” [38], “*Chiều 26/01/1979, khi Tiểu đoàn đang truy quét ở BAHAN thì có điện từ Trung đoàn chuyển xuống: chuẩn bị hành quân tiến đánh Pailin*” [39] ... Hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* có kết cấu theo ba phần (Khoác súng vào vai, Những bước chân trong rừng khộp, 40 năm sau), ở mỗi phần là những hồi ức được gọi tên. Mở đầu mỗi hồi ức là mốc thời gian cụ thể theo chiều diễn tiến của cuộc chiến đấu. Mặc dù, Nguyễn Vũ Điền viết hồi ký này khi cuộc chiến đã nguội lạnh từ lâu, nhưng những mốc thời gian được nhà văn nhớ rất chính xác và sắp xếp logic như một dòng chảy. Nương theo dòng chảy đó nhà văn đã bộc lộ cái Tôi ám ảnh của mình, đồng thời tạo được tính đơn nhất, cụ thể cho quyển hồi ký.

Bên cạnh đó, lớp từ mộc mạc gần gũi như lời nói thường ngày chiếm ưu thế trong hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá*, thông qua lớp từ ấy nhà văn đã giải bày cái Tôi ám ảnh tính dục và tái hiện đời sống quân ngũ. Điểm đặc sắc là Nguyễn Vũ Điền đã để cho nhân vật thoải mái trò chuyện với nhau chứ không hề e dè, gọt giũa cho lời thoại mang tính nghệ thuật. Những câu nói như: “*Ôi*

dào, thềm bỏ mẹ lại còn kiêng với khem” [40], “Đó, thấy chưa, tao nói rồi mà. May mà không tan xác”, “Mìn nỏ, may mà chưa cụt giò. Vẫn còn hên” [41] hay cách bộc lộ nỗi nhớ: “Mộc ơi, tao nhớ mày. Rất nhớ” [42] đã khắc đậm tinh thần lạc quan, sự trẻ trung, tinh nghịch của những người lính tình nguyện. Ngoài hai lớp từ kể trên, một lớp từ khác cũng xuất hiện trong hồi ký của Nguyễn Vũ Điền, đó là lớp từ “tục”. Gọi như thế để dễ dàng hình dung chữ thực chất lớp từ ấy không làm cho sự diễn đạt của Nguyễn Vũ Điền thô tục, trần trụi, ngược lại nó kết nối những trang viết của Nguyễn Vũ Điền gần với đời sống hơn. Chính lớp từ ngữ đó góp phần làm cho hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* chân thật như cuộc đời.

Kết luận

Từ học thuyết phân tâm học (ứng dụng trong việc chữa bệnh tâm thần cho con người) phát triển thành phê bình phân tâm học (ứng dụng trong việc nghiên cứu các ngành khoa học xã hội nhân văn) là cả một quá trình gian nan, tuy nhiên, nó đã đem lại những kết quả vô cùng thú vị. Từ đây, vị thế của phân tâm học như một phương pháp nghiên cứu được nâng tầm trong bức tranh nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu văn học nghệ thuật.

Với *Rừng khộp mùa thay lá*, Nguyễn Vũ Điền đã đóng góp một màu sắc mới cho dòng văn học chiến đấu chống Pol Pot của lính tình nguyện Việt Nam trên đất nước Campuchia. Đây chính là tác phẩm chân thực, xúc động được viết bằng trải nghiệm thực tế của một người từng dần thân vào cuộc chiến tranh sinh tử, vì thế hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* mang trên mình hơi thở của chiến trường. Tìm hiểu hồi ký này dưới góc nhìn phân tâm học, giải mã những ám ảnh của tác giả ở phương diện nội dung và hình thức biểu hiện, có thể nhận ra hành

trình gian khổ mà vẻ vang của cựu chiến binh Nguyễn Vũ Điền. Thông qua đó phát hiện ra vẻ đẹp độc đáo của hồi ký *Rừng khộp mùa thay lá* và có cái nhìn chính xác hơn về năng lực viết hồi ký của Nguyễn Vũ Điền.

Chú thích

- [1] Nguyễn Vũ Điền (2020). *Rừng khộp mùa thay lá*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ, 63.
 [2] Sdd, 49. [16] Sdd, 121. [30] Sdd, 73.
 [3] Sdd, 170. [17] Sdd, 124. [31] Sdd, 111.
 [4] Sdd, 75. [18] Sdd, 125. [32] Sdd, 113-114.
 [5] Sdd, 146. [19] Sdd, 128. [33] Sdd, 292.
 [6] Sdd, 147. [20] Sdd, 129. [34] Sdd, 239.
 [7] Sdd, 127. [21] Sdd, 130. [35] Sdd, 251-252.
 [8] Sdd, 127. [22] Sdd, 164. [36] Sdd, 252.
 [9] Sdd, 238. [23] Sdd, 280. [37] Sdd, 274-279.
 [10] Sdd, 239. [24] Sdd, 105. [38] Sdd, 87.
 [11] Sdd, 238. [25] Sdd, 106. [39] Sdd, 103.
 [12] Sdd, 239. [26] Sdd, 105. [40] Sdd, 129.
 [13] Sdd, 238. [27] Sdd, 107. [41] Sdd, 123.
 [14] Sdd, 218. [28] Sdd, 147. [42] Sdd, 223.
 [15] Sdd, 120. [29] Sdd, 147.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Lai Thúy (2002). *Phân tâm học và văn hóa tâm linh*. Hà Nội, Nxb Văn hóa - Thông tin.
 Hà Minh Đức (chủ biên). (1997). *Lý luận văn học*. Hà Nội, Nxb Giáo dục.
 Lê Xuân Mậu (2016). *Tiếng Việt giàu đẹp - Vẻ đẹp ngôn ngữ - Vẻ đẹp văn chương*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
 Lộc Phương Thủy (2007). *Lý luận - Phê bình văn học thế giới thế kỉ XX* - Tập hai. Hà Nội, Nxb Giáo dục.
 Nhị Ca (1964). Vài cảm nghĩ nhân đọc mấy cuốn hồi ký. Trong *Bàn thêm về viết hồi ký*. Nhiều tác giả (1964). Hà Nội, Nxb Quân đội Nhân dân, 55.
 Trần Đình Sử (chủ biên) (2021). *Lý luận văn học* - tập hai. Hà Nội, Nxb Đại học Sư phạm.
 Vũ Thị Trang (2020). *Phê bình phân tâm học - Phía của những ám ảnh nghệ thuật*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.

